

Bản án số: 63/2023/DS-ST  
Ngày 13-7-2023  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Đua

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Triệu Lát

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Gia An, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Âu Hoàng Mến – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP L**. Địa chỉ: Trần Quang K, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Nguyễn Văn T**, chức vụ: Chuyên viên khách hàng – Tổ Khách hàng Ngân hàng TMCP L Chi nhánh Sóc Trăng – Phòng giao dịch C.

Địa chỉ liên hệ: khóm H, phường M, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* 1. Ông **Hàng Vành N**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

2. Bà **Thạch Thị S**, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm V, phường P, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị **Hàng Thanh Nh**, sinh năm 1989 (vắng mặt)

2. Anh **Lý D**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm V, phường P, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 04/11/2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 24/11/2021, vợ chồng ông Hàng Vành N, bà Thạch Thị S đã ký với Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh Sóc Trăng – Phòng giao dịch C Hợp đồng tín dụng số: HDTD881202100325. Theo hợp đồng, ngân hàng cho vợ chồng ông N, bà S vay số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất trong hạn là 12%/năm, lãi suất quá hạn là 150%/năm lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; thanh toán trả lãi hàng tháng, trả nợ gốc đến cuối kỳ, thời hạn vay 180 tháng.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay, vợ chồng ông N, bà S đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HDTTC881202100325 ngày 24/11/2021, thế chấp quyền sử dụng đất như sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 974721, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH90980 ngày 13/8/2015, phần đất thuộc thửa số 122, tờ bản đồ số 54, diện tích 568,3 m<sup>2</sup>; tọa lạc tại khóm V, phường P, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Hàng Vành N đứng tên quyền sử dụng. Đến ngày 12/8/2019, chuyển quyền sử dụng đất từ Hộ Hàng Vành N thành của riêng ông Hàng Vành N.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông Hàng Vành N, bà Thạch Thị S vay số tiền 500.000.000 đồng theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ ngày 23/11/2021, vợ chồng ông N, bà S đã trả số tiền gốc và lãi được 80.374.801 đồng (trong đó vốn gốc là 41.700.000 đồng, lãi trong hạn và quá hạn là 38.674.801 đồng). Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông N, bà S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ lãi và gốc theo thỏa thuận và đến ngày 25/10/2022 khoản nợ trên đã quá hạn, vợ chồng ông N, bà S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã cam kết với Ngân hàng, gây khó khăn cho công tác thu hồi vốn và quá trình xử lý, thu hồi nợ của ngân hàng. Sau khi Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án, tính đến ngày 24/02/2023 vợ chồng ông N, bà S thanh toán cho ngân hàng được số tiền gốc là 16.680.000 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/7/2023), vợ chồng ông N, bà S còn nợ Ngân hàng TMCP L tổng số tiền là: 483.728.819 đồng, trong đó nợ gốc là 458.300.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 24.311.915 đồng và nợ lãi quá hạn là 1.116.904 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP L yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Hàng Vành N, bà Thạch Thị S liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP L toàn bộ số tiền nêu trên là 483.728.819 đồng, trong đó nợ gốc là 458.300.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 24.311.915 đồng và nợ lãi quá hạn là 1.116.904 đồng.

Đồng thời, vợ chồng ông N, bà S còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 14/7/2023 cho đến khi vợ chồng ông N, bà S trả hết nợ gốc cho Ngân hàng TMCP L.

Trường hợp, vợ chồng ông N, bà S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp

luật thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản bảo đảm khoản vay của vợ chồng ông N, bà S theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: HDTC881202100325 ngày 24/11/2021 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Hàng Vành N, bà Thạch Thị S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hàng Thanh Nh, anh Lý D. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập cho bị đơn ông Hàng Vành N, bà Thạch Thị S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hàng Thanh Nh, anh Lý D nhưng ông N, bà S, chị Nh và anh D đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến tại phiên tòa:* Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc buộc bị đơn vợ chồng ông Hàng Vành N, bà Thạch Thị S liên đới trả số tiền vốn gốc và lãi suất phát sinh là 483.728.819 đồng. Đồng thời, vợ chồng ông N, bà S còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 14/7/2023 cho đến khi vợ chồng ông N, bà S trả hết nợ gốc cho Ngân hàng TMCP L.

Trường hợp, vợ chồng ông N, bà S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có địa chỉ tại khóm V, phường P, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng

dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định.

[4] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc của nguyên đơn: Vào ngày 24/11/2021, vợ chồng ông Hàng Vành N, bà Thạch Thị S có ký hợp đồng tín dụng số HDTD881202100325 với Ngân hàng TMCP L (gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 180 tháng. Cách thức thanh toán nợ gốc được chia ra thành 180 phân kỳ, trong đó 179 kỳ đầu trả 2.780.000 đồng vào ngày 25 hàng tháng (lần trả đầu tiên ngày 25/12/2021), kỳ cuối trả số tiền còn lại vào ngày hết hạn hợp đồng. Xét thấy, các bên tiến hành giao kết Hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng tín dụng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng, vợ chồng ông N, bà S đã nhận đủ số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 24/11/2021 sau khi ký kết hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn vợ chồng ông N, bà S đã thanh toán vốn gốc hàng tháng cho Ngân hàng với tổng số tiền là 41.700.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 25/10/2022 thì vợ chồng ông N, bà S không thanh toán nợ theo thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, cho nên vợ chồng ông N, bà S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số HDTD881202100325 ngày 24/11/2021 và vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nên Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn vợ chồng ông N, bà S phải trả cho Ngân hàng số nợ gốc 458.300.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về yêu cầu trả lãi của nguyên đơn: Ngân hàng TMCP L yêu cầu vợ chồng ông Hàng Vành N, bà Thạch Thị S có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền lãi quá hạn 1.116.904 đồng, thời hạn từ 25/02/2023 đến 13/7/2023 với mức lãi suất là 18%/năm (1,5%/tháng) của vốn gốc 453.300.000 đồng; lãi suất trong hạn 24.311.915 đồng, thời hạn tính từ ngày 25/02/2023 đến 13/7/2023. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật” và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này...”. Xét thấy, theo Hợp đồng tín dụng số HDTD881202100325 ngày 24/11/2021 thì Ngân hàng và vợ chồng ông N, bà S

thỏa thuận lãi suất cho vay là 12%/năm, lãi suất quá hạn là 150%/năm lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn là phù hợp với quy định của pháp luật nêu trên. Do đó, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Như vậy, tổng số tiền vốn và tiền lãi vay mà vợ chồng ông Hàng Vành N, bà Thạch Thị S phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng là 483.728.819 đồng, trong đó nợ gốc là 458.300.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 24.311.915 đồng và nợ lãi quá hạn là 1.116.904 đồng.

[7] Về khoản tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm: Kể từ ngày 14/7/2023, vợ chồng ông Hàng Vành N, bà Thạch Thị S còn phải liên đới chịu khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký số HDTD881202100325 ngày 24/11/2021 cho đến khi vợ chồng ông N, bà S trả hết nợ gốc.

[8] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC881202100325 ngày 24/11/2021, việc thế chấp tài sản đã được lập thành hợp đồng giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng với bên thế chấp là bên vay tài sản (ông Hàng Vành N, bà Thạch Thị S), Hợp đồng thế chấp đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường V và được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất đai thị xã C ngày 25/11/2021. Tại mục số 5.1 của các hợp đồng thế chấp nêu trên, các bên có thỏa thuận: *LienVietPostBank có quyền sử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong các điều kiện sau: Bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ, kể cả trường hợp trả nợ trước hạn;...* ”.

Đồng thời, cần buộc các con của ông N, bà S là chị Nh, anh D cùng bàn giao tài sản thế chấp (trong đó có tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất) cho cơ quan thi hành án để phát phát là đúng với quy định của pháp luật.

[9] Đối với thửa đất được phân tích tại mục số [8], qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, cho thấy: Hiện trạng tài sản thế chấp không có thay đổi so với thời điểm nhận thế chấp và hiện có 01 căn nhà tường cấp 4, phía trước và phía sau căn nhà có làm mái tiền chế. Thửa đất thế chấp và các tài sản gắn liền với đất hiện do vợ chồng ông N, bà S và cùng với các con của ông N, bà S là chị Hàng Thanh Nh, anh Lý D ở và quản lý. Cho nên Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp (trong đó bao gồm thửa đất thế chấp và tài sản gắn liền với đất) để đảm bảo cho việc thanh toán nợ trong trường hợp vợ chồng ông N, bà S không có khả năng thanh toán nợ hoặc không thanh toán đầy đủ là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, cần buộc các con của ông N, bà S là chị Nh, anh D cùng bàn giao tài sản thế chấp (trong đó có tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất) cho cơ quan thi hành án để phát phát là đúng với quy định của pháp luật.

[10] Từ những cơ sở phân tích tại các mục số [4], [5], [6], [7], [8] và [9] nêu trên, xét thấy lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn vợ chồng ông Hàng Vành N, bà Thạch Thị S phải liên đới nộp tiền án phí với số tiền là 23.349.152

đồng theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[12] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Vợ chồng ông Hàng Vành N, bà Thạch Thị S phải liên đới chịu số tiền là 750.000 đồng. Số tiền này do nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước, do đó vợ chồng ông N, bà S phải có trách nhiệm liên đới hoàn lại số tiền trên cho Ngân hàng TMCP L.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều 325, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 90, Điều 91, Điều 94 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP L, về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Hàng Vành N, bà Thạch Thị S thanh toán tổng số tiền là 483.728.819 đồng, trong đó nợ gốc là 458.300.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 24.311.915 đồng và nợ lãi quá hạn là 1.116.904 đồng của Hợp đồng tín dụng số HDTD881202100325 ngày 24/11/2021.

- Buộc bị đơn vợ chồng ông Hàng Vành N, bà Thạch Thị S thanh toán cho Ngân hàng TMCP L tổng số tiền là 483.728.819 đồng (*Bốn trăm tám mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi tám ngàn tám trăm mười chín đồng*). Trong đó, nợ gốc là 458.300.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 24.311.915 đồng và nợ lãi quá hạn là 1.116.904 đồng.

2. Kể từ ngày 14/7/2023, vợ chồng ông Hàng Vành N, bà Thạch Thị S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà vợ chồng ông N, bà S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP L cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP L.

3. Về xử lý tài sản đảm bảo: Trường hợp vợ chồng ông Hàng Vành N, bà Thạch Thị S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP L có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp sau:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC881202100325 ngày 24/11/2021. Tài sản thế chấp nêu trên là quyền sử dụng đất diện tích 568,3m<sup>2</sup> (đất ở 220 m<sup>2</sup>; đất trồng cây lâu năm 348,3 m<sup>2</sup>), thuộc thửa số 122; tờ bản đồ số 54,

tọa lạc tại khóm V, phường P, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 974721, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH90980 ngày 13/8/2015, của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu cấp cho hộ ông Hàng Vành N đứng tên quyền sử dụng. Đến ngày 12/8/2019, chuyển quyền sử dụng đất từ Hộ Hàng Vành N thành của riêng ông Hàng Vành N.

Buộc vợ chồng ông Hàng Vành N, bà Thạch Thị S và các con của ông N, bà S là chị Hàng Thanh Nh, anh Lý D cùng bàn giao tài sản thế chấp nêu trên (trong đó có tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất) cho cơ quan thi hành án để phát phát theo quy định của pháp luật.

**4. Án phí dân sự sơ thẩm:**

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP L không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.599.000 đồng đồng theo biên lai thu số 0006078 ngày 16/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn vợ chồng ông Hàng Vành N, bà Thạch Thị S phải liên đới nộp 23.349.152 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

**5. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:** Vợ chồng ông Hàng Vành N, bà Thạch Thị S phải liên đới chịu số tiền là 750.000 đồng. Số tiền này do nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước, do đó vợ chồng ông N, bà S phải có trách nhiệm hoàn lại số tiền trên cho Ngân hàng TMCP L.

**6. Về quyền kháng cáo bản án:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

**7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.**

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đặng Văn Đưa**

